TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Thùy Trang
2. Ông Nguyễn Đăng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm: 1987

- Bị đơn: Anh Trần Quốc T1, sinh năm: 1980

Cùng trú tại: Tổ 4, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chị T có mặt, anh T1 đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Quốc T1 tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2016. Do không tìm hiểu kỹ về nhau nên sau khi cưới nhau thời gian ngắn thì anh T1 bộc lộ bản tính hung hăn, cộc cằn, gia trưởng. Ngoài ra bản thân anh T1 trước đó có vợ ly hôn và có con với vợ trước. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc thời gian ngắn thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh T1 hay gây gổ, chửi bới và đuổi tôi ra khỏi nhà. Sau đó tôi đưa con tôi về nhà cha mẹ ruột của mình sống từ tháng 3/2018 đến nay. Nay tôi xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng chị có 01 con chung tên là: Trần Thị Triệu H, sinh ngày: 22/10/2017.

Nguyện vọng của chị T nếu ly hôn xin được nuôi cháu H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Trần Quốc T1 không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với pháp luật. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Trần Quốc T1 cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Quốc T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý lại vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tống đạt đến người nhà của bị đơn, niêm yết tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thu T và anh Trần Quốc T1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày

21/9/2016. Sau khi kết hôn, chị T xác định vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị tính tình hung hản, cộc cằn, gia trưởng. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cải vả nhau, xúc phạm nhau. Mỗi khi gây gổ chồng chị lại đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Sau đó vợ chồng anh chị sống ly thân nhau, chị đưa con về nhà cha mẹ của mình sống thời gian dài. Vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh T1 không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thu T xin được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T anh T1 có 01 con chung tên là: Trần Thị Triệu H, sinh ngày: 22/10/2017. Nguyện vọng của chị T nếu ly hôn xin được nuôi cháu H. Chị T1 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Do bị đơn anh Trần Quốc T1 vắng mặt nên không thể biết nguyện vọng của anh T1 có muốn nuôi con hay không. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và nguyện vọng của chị T. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu T phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị Thảo đã nộp theo biên lại thu số 0020672 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị Thu T. Chị Phan Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Quốc T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Trần Thị Triệu H, sinh ngày: 22/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lại thu số 0020672 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Phùng Thành